

Phụ lục VI  
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO HIỂM BẢO LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1092/2024/CV-BL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

- Mã chứng khoán: BLI
- Địa chỉ: 185 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 028 38 239 219
- Email: info@baohiembraolong.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long công bố thông tin về thông báo mời họp và tài liệu họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 được tổ chức vào ngày 27/06/2024.

3. Lý do công bố thông tin: công bố thông báo mời họp và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/06/2024 tại đường dẫn: <https://baolonginsurance.com.vn/nha-dau-tu#section-3>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN QUỐC DŨNG



Số: 03/2024/TB-HĐQT

## THÔNG BÁO

### Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo kế hoạch như sau:

#### 1. Thời gian tổ chức:

- Thời gian : 08h00, Thứ Năm, ngày 27 tháng 06 năm 2024
- Địa điểm : Lầu 2 - Tòa nhà Trụ sở chính Bảo Long, 185 Điện Biên Phủ, P. Đakao, Q. 1, TP.HCM

#### 2. Nội dung Đại hội: Trình thông qua các nội dung sau:

- Tờ trình thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;
- Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2023;
- Tờ trình về kế hoạch kinh doanh năm 2024;
- Tờ trình về kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
- Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Bảo Long năm 2024;
- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.

#### 3. Toàn văn các tài liệu chương trình Đại hội, Quý cổ đông vui lòng tham khảo tại website của Bảo Long: <https://baolonginsurance.com.vn/nha-dau-tu#section-3>

#### 4. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt cổ đông vào ngày 23/05/2024 có quyền tham dự Đại hội.
- Cổ đông không dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự.

#### 5. Đăng ký tham dự Đại hội:

Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông và người đại diện theo ủy quyền vui lòng:

- Xác nhận tham dự Đại hội (theo mẫu đính kèm) bằng gửi trực tiếp hoặc thư hoặc fax hoặc email hoặc gọi điện thoại về Tổng Công ty trước 17h00 ngày 25/06/2024 theo địa chỉ:

#### BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẢO LONG

- ❖ Địa chỉ : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Tp. HCM
- ❖ Điện thoại : (028) 38 239 219 # 433 Fax: (028) 38 228 967
- ❖ Email : ly\_ntx@baohiembalong.vn (Ms. Ly)

- Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền mang theo Thư mời họp, bản gốc CMND/CCCD/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (đính kèm Thư mời họp) để đăng ký.

Thông báo này thay cho Thư mời trong trường hợp cổ đông không nhận được Thư mời.

Trân trọng thông báo,

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT, VT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

PHAN QUỐC DŨNG





## CHƯƠNG TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

1. Thời gian: 08h00, Thứ Năm, ngày 27/06/2024
2. Địa điểm: Lầu 2 - Trụ sở chính Bảo Long, 185 Điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. HCM.

Thời gian	Nội dung
08:00 – 08:15	Đại biểu đăng ký và nhận tài liệu
08:15 – 08:30	<ul style="list-style-type: none"><li>– Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự</li><li>– Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền biểu quyết</li><li>– Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu</li></ul>
08:30 – 08:45	<ul style="list-style-type: none"><li>– Chủ tọa thông qua Quy chế Đại hội và Chương trình Đại hội</li></ul>
08:45 – 10:15	<p>Trình bày các báo cáo và tờ trình:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Tờ trình thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;</li><li>2. Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2023;</li><li>3. Tờ trình về kế hoạch kinh doanh năm 2024;</li><li>4. Tờ trình về kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2024;</li><li>5. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch năm 2024;</li><li>6. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024;</li><li>7. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán BCTC của Bảo Long năm 2024;</li><li>8. Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.</li></ol> <ul style="list-style-type: none"><li>– Đại hội thảo luận</li><li>– Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình</li></ul>
10:15 – 10:30	Giải lao
10:30 – 10:45	<ul style="list-style-type: none"><li>– Công bố kết quả biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình</li></ul>
10:45 – 11:00	<ul style="list-style-type: none"><li>– Công bố Biên bản Đại hội và biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội</li><li>– Tuyên bố bế mạc Đại hội</li></ul>



Số: 11 /2024/TT-HĐQT

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế tổ chức  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều 20 của Điều lệ (sửa đổi lần thứ mười ba) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ngày 30/06/2023,

Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo đúng quy định và thành công tốt đẹp, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Dự thảo Quy chế gồm 4 Chương và 14 Điều đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC  
TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
BẢO HIỂM  
BẢO LONG  
S. G. P. T. P.  
QUẬN 1 - T. P. HỒ CHÍ MINH

PHAN QUỐC DŨNG



## QUY CHẾ

### TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

### TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

#### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (sau đây gọi tắt là Bảo Long).

**Điều 2.** Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi tắt là Đại hội), điều kiện, thể thức tiến hành và thể lệ biểu quyết của cuộc họp.

**Điều 3.** Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

#### Chương II

#### QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

##### Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

###### 1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Cổ đông cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách ngày 23/05/2024 có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật.

###### 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời họp.
- Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.
- Giấy ủy quyền theo mẫu kèm Thư mời họp (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền được ký bởi chính cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/ tổ chức đó.

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội được nhận 01 Thẻ biểu quyết (ghi tên cổ đông, mã số và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó).

b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.



- c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được phát biểu trước đó thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào “Phiếu ghi ý kiến đóng góp” và gửi lại Ban Thư ký để tập hợp và chuyển cho Chủ tọa đoàn.
- d. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự họp Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
- e. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông, đại diện cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn của Chủ tọa đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- f. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ Chủ tọa đoàn**

1. Chủ tọa đoàn do Hội đồng quản trị giới thiệu, thực hiện nhiệm vụ điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Chủ tọa đoàn gồm có Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tọa và các thành viên. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một trong số họ làm chủ tọa theo nguyên tắc đa số.
3. Nhiệm vụ của Chủ tọa đoàn:
  - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
  - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
  - c. Trình dự thảo các báo cáo, tờ trình và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.
  - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
  - e. Yêu cầu thực hiện các biện pháp an ninh nếu cần thiết: Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội**

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị thành lập.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:
  - a. Kiểm tra chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, thư mời, giấy ủy quyền (nếu có) của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 23/05/2024 để kiểm tra tính hợp lệ;
  - b. Kiểm tra tỷ lệ cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;
  - c. Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;



- d. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết của Đại hội.
- e. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội**

1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa đoàn giới thiệu.
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
  - a. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội;
  - b. Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông và kịp thời báo cáo cho Chủ tọa đoàn xem xét giải trình cho cổ đông;
  - c. Soạn thảo và báo cáo cho Đại hội nội dung biên bản cuộc họp trước khi bế mạc Đại hội.
  - d. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.

#### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hay Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - a. Hướng dẫn công khai cho cổ đông cách thức biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;
  - b. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham gia Đại hội.
  - c. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội.

### **Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/05/2024.

#### **Điều 10. Trật tự của Đại hội**

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự.
2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Không làm mất trật tự, không sử dụng điện thoại di động trong thời gian diễn ra Đại hội.

#### **Điều 11. Thẻ lệ biểu quyết**

1. Mọi Nghị quyết của Đại hội phải được biểu quyết một cách công khai, trực tiếp.
2. Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu hoặc được ủy quyền (nếu có).
3. Cách thức biểu quyết: cổ đông sẽ biểu quyết các vấn đề bằng Thẻ biểu quyết:



Mỗi cổ đông nhận 01 Thẻ biểu quyết có in đầy đủ họ và tên, mã số cổ đông, số lượng cổ phần và có đóng dấu treo của Bảo Long. Cổ đông biểu quyết từng vấn đề cần biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa đoàn. Đối với từng vấn đề biểu quyết, cổ đông sẽ cho ý kiến “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến”.

**Điều 12.** Thông qua các nội dung biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
  - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Bảo Long;
  - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long;
  - e. Tổ chức lại, giải thể Bảo Long;
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Chương IV** **KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

**Điều 13.** Biên bản và nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

**Điều 14.** Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 4 chương, 14 điều, có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**





Số: 12/2024/TT-HĐQT

**TỜ TRÌNH**

V/v Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2023 của  
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã được kiểm toán

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2023 của Bảo Long đã được kiểm toán như sau:

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023**

Chỉ tiêu	KH 2023 triệu đồng	TH 2023 triệu đồng	% HTKH
<b>Phí BH</b>	<b>1.610.000</b>	<b>1.520.822</b>	<b>94%</b>
Phí nhượng tái	(426.325)	(408.106)	
Tăng/(giảm) dự phòng phí	(22.233)	15.628	
Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	114.307	129.467	
<b>Doanh thu thuần hoạt động BH</b>	<b>1.275.749</b>	<b>1.257.810</b>	<b>99%</b>
Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(593.860)	(632.143)	
Thu bồi thường nhượng tái	208.539	202.331	
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(11.837)	(11.127)	
Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(619.726)	(581.192)	
- Chi hoa hồng	(166.735)	(192.282)	
- Chi khác hoạt động kinh doanh BH	(452.991)	(388.910)	
<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH</b>	<b>(1.016.883)</b>	<b>(1.022.131)</b>	
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH</b>	<b>258.866</b>	<b>235.680</b>	<b>91%</b>
<b>Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>	<b>103.900</b>	<b>119.843</b>	<b>115%</b>
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(263.086)	(244.743)	
<b>Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh</b>	<b>99.680</b>	<b>110.779</b>	<b>111%</b>
Lợi nhuận khác	-	239	
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>99.680</b>	<b>111.019</b>	<b>111%</b>

Tổng thể, kết quả hoạt động kinh năm 2023 vượt kế hoạch đề ra về lợi nhuận, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 111.019 triệu đồng, tương ứng với 111% kế hoạch. Kết quả của từng chỉ tiêu hoạt động cụ thể như sau:

**1.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm****Doanh thu từ phí bảo hiểm**



Doanh thu từ phí bảo hiểm đạt 1.520.822 triệu đồng, giảm 5,5% so với năm 2022, hoàn thành 94% kế hoạch đề ra.

### **Chi phí bồi thường**

Chi phí bồi thường bảo hiểm là 632.143 triệu đồng. Theo đó, tỷ lệ bồi thường tính trên doanh thu phí bảo hiểm là 41,6%, cao hơn tỷ lệ kế hoạch 2023 là 36,9%. Nguyên nhân chính là do trong năm 2023 đã xảy ra các vụ tổn thất lớn ở nghiệp vụ tàu thuyền, tài sản và hoạt động bảo hiểm nhận tái.

### **Chi phí hoa hồng bảo hiểm, chi phí khác HĐKD**

Tổng chi phí hoa hồng, chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát sinh trong năm 2023 là 581.192 triệu đồng, tương ứng 38,2% doanh thu phí bảo hiểm, xấp xỉ tỷ lệ kế hoạch.

## **1.2. Hoạt động đầu tư tài chính**

Tổng thể, lợi nhuận đầu tư tài chính năm 2023 (ngoại trừ lãi từ chênh lệch tỷ giá) đạt 114.483 triệu đồng, tăng 5% so với kế hoạch năm 2023, tương ứng ROI là 8,02%. Dưới đây là kết quả đầu tư theo từng nhóm tài sản đầu tư:

STT	Nhóm tài sản đầu tư	Kế hoạch (triệu đồng)			Thực hiện (triệu đồng)		
		Nguồn BQ	Thu nhập	ROI	Nguồn BQ	Thu nhập	ROI
1	Tiền gửi ngân hàng	1.090.000	80.000	6-8,5%	1.114.883	90.733	8,14%
2	CCTG tại TCTD	180.000	16.500	9%	208.994	14.148	6,77%
3	TPDN	65.000	1.400	6-8%	52.500	2.038	9,32%
4	Chứng khoán	55.000	60.000	11%	51.526	7.564	14,68%
	<b>TỔNG</b>	<b>1.390.000</b>	<b>109.900</b>	<b>7,5%</b>	<b>1.427.903</b>	<b>114.483</b>	<b>8,02%</b>

## **1.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm 2023 là 244.743 triệu đồng, thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

## **1.4. Lợi nhuận kế toán trước thuế**

Việc phân phối lợi nhuận năm 2023 dự kiến sẽ được thực hiện như sau:

STT	Chỉ tiêu	2023 triệu đồng
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	111.019
2	Thuế TNDN 2023	22.081
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	88.937
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc (5%/LNST)	4.447
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	84.491




Việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ được thực hiện trên cơ sở Nghị Quyết ĐHĐCĐ

## II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

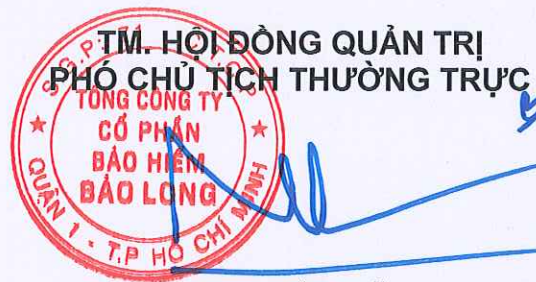
Trên cơ sở kết quả kinh doanh nêu trên, Bảo Long đã lập báo cáo tài chính năm 2023 theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG Việt Nam và được đính kèm theo tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua kết quả kinh doanh năm 2023 và báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Trân trọng 

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS “để báo cáo”;
- ĐHĐCĐ “để thông qua”;
- Lưu VT.



**PHAN QUỐC DŨNG**







**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
Báo cáo tài chính  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023





## Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long Thông tin về Tổng Công ty

Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động số

1529/GP-UB

ngày 11 tháng 7 năm 1995

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH ngày 9 tháng 6 năm 2017. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong vòng 99 năm kể từ ngày 11 tháng 7 năm 1995.

Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh số

059614

ngày 2 tháng 8 năm 1995

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long  
Ông Phan Quốc Dũng

Ông Nguyễn Văn Hùng  
Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Trương Khánh Hoàng

Bà Phạm Minh Châm  
Ông Hoàng Minh Hoàn

Ông Nguyễn Thành Nam

Ông Lại Quốc Phong

Chủ tịch

Phó Chủ tịch Thường trực  
(từ ngày 6 tháng 1 năm 2023)

Phó Chủ tịch

Phó Chủ tịch

(đến ngày 6 tháng 1 năm 2023)

Phó Chủ tịch

(đến ngày 6 tháng 1 năm 2023)

Thành viên

Thành viên

(từ ngày 6 tháng 1 năm 2023 đến  
ngày 2 tháng 2 năm 2024)

Thành viên

(từ ngày 6 tháng 1 năm 2023 đến  
ngày 2 tháng 2 năm 2024)

Thành viên độc lập

(từ ngày 6 tháng 1 năm 2023)

Ban Điều hành

Ông Phan Quốc Dũng  
Bà Phạm Minh Châm

Ông Hà Minh Hiếu  
Bà Nguyễn Thúy Hằng

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc Điều hành  
kiêm Giám đốc Tài chính

Kế toán trưởng

Giám đốc khối Hỗ trợ

kiêm Chánh Văn phòng HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Bình  
Bà Nguyễn Thị Tường Vy  
Ông Võ Hoàng Duy Trinh  
Ông Tôn Thất Diên Khoa

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Trụ sở đăng ký

185 Điện Biên Phủ  
Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



## **Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long** **Báo cáo của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 63 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Điều hành  
Phan Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2024





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 63.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



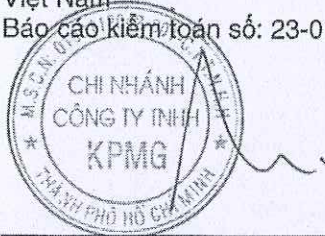


### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00412-24-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2024



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)</b>	<b>100</b>		<b>1.969.449.538.810</b>	<b>2.315.615.627.929</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>572.229.256.976</b>	<b>643.386.774.379</b>
Tiền	111		87.229.256.976	274.751.537.174
Các khoản tương đương tiền	112		485.000.000.000	368.635.237.205
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>758.024.683.413</b>	<b>803.766.567.758</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	24.788.437.000	60.414.366.344
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(3.603.080.400)	(12.352.954.630)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	705.513.671.233	755.705.156.044
Đầu tư ngắn hạn khác	128	6(c)	32.129.179.580	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	6(c)	(803.524.000)	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>7</b>	<b>393.522.181.539</b>	<b>426.328.223.960</b>
Phải thu của khách hàng	131		283.886.435.664	310.600.359.714
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>131.1</i>		<i>283.886.435.664</i>	<i>310.600.359.714</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		144.117.375.323	157.750.134.164
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(34.481.629.448)	(42.022.269.918)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>416.267.599</b>	<b>477.745.003</b>
Hàng tồn kho	141		416.267.599	477.745.003
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>50.476.729.284</b>	<b>83.376.640.162</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	50.476.729.284	83.376.640.162
<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	<i>151.1</i>		<i>47.966.527.090</i>	<i>80.717.843.780</i>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	<i>151.2</i>		<i>2.510.202.194</i>	<i>2.658.796.382</i>
<b>Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>18(a)</b>	<b>194.780.419.999</b>	<b>358.279.676.667</b>
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		124.368.717.797	196.282.630.081
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		70.411.702.202	161.997.046.586



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>359.549.614.051</b>	<b>207.005.598.431</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>23.977.221.553</b>	<b>12.740.421.990</b>
Phải thu dài hạn khác	218	7	23.977.221.553	12.740.421.990
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	<i>218.1</i>		<i>12.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>218.2</i>		<i>11.977.221.553</i>	<i>740.421.990</i>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>115.211.502.361</b>	<b>111.893.322.972</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	17.814.655.623	19.479.650.741
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>45.072.114.092</i>	<i>46.065.356.528</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223</i>		<i>(27.257.458.469)</i>	<i>(26.585.705.787)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	10	76.014.546.416	76.465.802.231
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>86.194.826.627</i>	<i>86.185.826.627</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229</i>		<i>(10.180.280.211)</i>	<i>(9.720.024.396)</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	21.382.300.322	15.947.870.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		183.503.000.000	47.503.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.360.890.137</b>	<b>36.371.853.469</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	22.571.202.412	23.128.383.001
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	6.160.053.675	5.220.115.626
Tài sản dài hạn khác	268		9.629.634.050	8.023.354.842
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.328.999.152.861</b>	<b>2.522.621.226.360</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DNPNT  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.492.094.426.463</b>	<b>1.774.653.906.137</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.488.477.527.130</b>	<b>1.771.027.506.804</b>
Phải trả cho người bán	312		344.422.421.137	347.845.341.967
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>312.1</i>	<i>14</i>	<i>344.422.421.137</i>	<i>347.845.341.967</i>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	25.751.149.009	26.165.543.198
Phải trả người lao động	315		16.542.308.971	6.141.227.142
Chi phí phải trả	316		20.390.963.551	34.021.717.599
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		12.199.576.634	15.344.795.198
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	16	53.491.314.873	108.250.792.281
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	34.412.594.826	58.895.295.871
Dự phòng nghiệp vụ	329		981.267.198.129	1.174.362.793.548
<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.1</i>	<i>18(a)</i>	<i>575.989.067.455</i>	<i>663.530.871.731</i>
<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.2</i>	<i>18(a)</i>	<i>301.082.566.982</i>	<i>417.763.513.417</i>
<i>Dự phòng dao động lớn</i>	<i>329.3</i>	<i>18(b)</i>	<i>104.195.563.692</i>	<i>93.068.408.400</i>
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.616.899.333</b>	<b>3.626.399.333</b>
Phải trả dài hạn khác	333		180.000.000	180.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn khác	342		3.436.899.333	3.446.399.333
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>836.904.726.398</b>	<b>747.967.320.223</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>836.904.726.398</b>	<b>747.967.320.223</b>
Vốn cổ phần	411		600.000.000.000	600.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(415.994.845)	(415.994.845)
Cổ phiếu quỹ	414		(5.260.000)	(5.260.000)
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		34.225.446.077	29.778.575.768
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		17.750.679.958	13.578.079.395
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		185.349.855.208	105.031.919.905
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.328.999.152.861</b>	<b>2.522.621.226.360</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm – phí bảo hiểm gốc		150.425.876.794	115.739.856.747
Nợ khó đòi đã xử lý		14.184.904.340	14.269.218.702
Ngoại tệ – USD	33(b)	1.053.208	2.026.871

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Châu Hậu Doanh Doanh  
Kế toán

Người kiểm soát:

Hà Minh Hiếu  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho**  
**năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**Phần I - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

	Mã số	2023 VND	2022 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.257.810.418.444	1.177.438.957.389
Doanh thu hoạt động tài chính	12	122.542.365.599	150.519.250.329
Thu nhập khác	13	766.075.225	195.555.029
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.022.130.605.080	940.404.438.673
Chi phí hoạt động tài chính	22	2.699.581.064	14.243.216.744
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	244.743.208.584	262.839.158.897
Chi phí khác	24	526.855.312	551.496.613
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24)</b>	<b>50</b>	<b>111.018.609.228</b>	<b>110.115.451.820</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23.021.141.102	21.408.195.119
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(939.938.049)	863.034.329
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>88.937.406.175</b>	<b>87.844.222.372</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>1.413</b>	<b>1.401</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho**  
**năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động**

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>Doanh thu phí bảo hiểm</b> <b>(01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)</b>	<b>01</b>		<b>1.608.363.421.452</b>	<b>1.587.789.905.788</b>
Trong đó:				
- <i>Phí bảo hiểm gốc</i>	01.1	20(a)	1.262.966.824.585	1.360.904.710.589
- <i>Phí nhận tái bảo hiểm</i>	01.2	20(b)	257.854.792.591	247.587.691.386
- <i>(Giảm)/tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	01.3	18(a)(ii)	(87.541.804.276)	20.702.496.187
<b>Phí nhượng tái bảo hiểm</b> <b>(02 = 02.1 – 02.2)</b>	<b>02</b>		<b>480.020.000.262</b>	<b>566.925.828.756</b>
Trong đó:				
- <i>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	02.1	21	408.106.087.978	550.524.073.243
- <i>Giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	02.2	18(a)(ii)	(71.913.912.284)	(16.401.755.513)
<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần</b> <b>(03 = 01 – 02)</b>	<b>03</b>		<b>1.128.343.421.190</b>	<b>1.020.864.077.032</b>
<b>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b> <b>(04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>129.466.997.254</b>	<b>156.574.880.357</b>
Trong đó:				
- <i>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</i>	04.1	22	122.884.492.491	154.126.995.599
- <i>Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>	04.2		6.582.504.763	2.447.884.758
<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>1.257.810.418.444</b>	<b>1.177.438.957.389</b>
<b>Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>728.480.770.876</b>	<b>559.955.984.713</b>
Trong đó:				
- <i>Tổng chi bồi thường</i>	11.1		737.692.053.654	562.561.144.395
- <i>Các khoản giảm trừ (thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường)</i>	11.2		9.211.282.778	2.605.159.682
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b> <b>(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>	<b>24</b>	<b>293.916.666.195</b>	<b>202.621.475.801</b>
<b>(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>	<b>18(a)(i)</b>	<b>(116.680.946.435)</b>	<b>83.680.478.906</b>
<b>(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>	<b>18(a)(i)</b>	<b>(91.585.344.384)</b>	<b>75.637.430.632</b>
<b>Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b> <b>(15 = 11 – 12 + 13 – 14)</b>	<b>15</b>		<b>409.468.502.630</b>	<b>365.377.557.186</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho**  
**năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

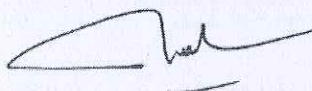
**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Tăng dự phòng dao động lớn	16	18(b)	11.127.155.292	10.579.683.288
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	25	601.534.947.158	564.447.198.199
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		192.281.534.870	166.578.768.713
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		409.253.412.288	397.868.429.486
<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)</b>	<b>18</b>		<b>1.022.130.605.080</b>	<b>940.404.438.673</b>
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)</b>	<b>19</b>		<b>235.679.813.364</b>	<b>237.034.518.716</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	122.542.365.599	150.519.250.329
Chi phí hoạt động tài chính	24	27	2.699.581.064	14.243.216.744
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 – 24)</b>	<b>25</b>		<b>119.842.784.535</b>	<b>136.276.033.585</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	244.743.208.584	262.839.158.897
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 – 26)</b>	<b>30</b>		<b>110.779.389.315</b>	<b>110.471.393.404</b>
Thu nhập khác	31		766.075.225	195.555.029
Chi phí khác	32		526.855.312	551.496.613
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>		<b>239.219.913</b>	<b>(355.941.584)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>111.018.609.228</b>	<b>110.115.451.820</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	23.021.141.102	21.408.195.119
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(939.938.049)	863.034.329
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)</b>	<b>60</b>		<b>88.937.406.175</b>	<b>87.844.222.372</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>1.413</b>	<b>1.401</b>

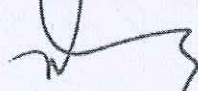
Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập:

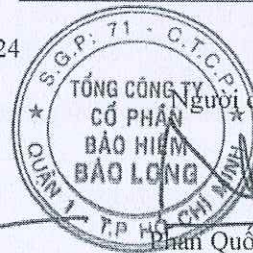


Châu Hậu Doanh Doanh  
Kế toán

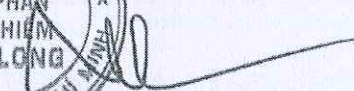
Người kiểm soát:



Hà Minh Hiếu  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Phan Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Phương pháp trực tiếp)**

**Mẫu B 03 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Tiền thu</b>			
Tiền thu từ cung cấp dịch vụ bảo hiểm và doanh thu khác	01	1.570.041.637.895	1.683.343.387.598
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	185.352.466.619	222.952.578.518
<b>Tiền chi</b>			
Tiền chi bồi thường bảo hiểm, chi hoa hồng và các khoản nợ khác của hoạt động kinh doanh bảo hiểm	02	(1.158.522.221.474)	(1.206.668.923.930)
Tiền chi trả người lao động	03	(218.564.478.255)	(197.220.881.514)
Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	05	(24.847.395.119)	(7.574.731.649)
Tiền chi khác từ các hoạt động kinh doanh	07	(399.708.479.153)	(430.557.142.209)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(46.248.469.487)</b>	<b>64.274.286.814</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.570.400.322)	(7.619.342.864)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.087.680.334.079)	(21.811.705.916.930)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	995.615.294.537	21.711.245.815.293
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.644.356.403	81.107.220.040
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(23.991.083.461)</b>	<b>(26.972.224.461)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



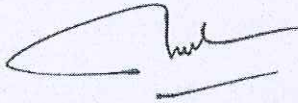
**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(955.904.280)	(70.605.428.587)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(955.904.280)	(70.605.428.587)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(71.195.457.228)	(33.303.366.234)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	643.386.774.379	676.700.501.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	37.939.825	(10.361.241)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	572.229.256.976	643.386.774.379

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập:




Châu Hậu Doanh Doanh  
 Người lập

Người kiểm soát:



Hà Minh Hiếu  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phan Quốc Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1529/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995 và sau đó được điều chỉnh lần gần đây nhất theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 9 tháng 6 năm 2017.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”) vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là “BLI”.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**(c) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên tại các thành phố và tỉnh thành Việt Nam (31/12/2022: một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 944 nhân viên (31/12/2022: 988 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 (“Thông tư 232”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán áp dụng cho báo cáo tài chính được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm đánh giá cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Những thay đổi trong chính sách kế toán do thay đổi quy định pháp lý có liên quan**

***Áp dụng Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023***

Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) về hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 (“Nghị định 46”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm. Thông tư 67 có hiệu lực từ ngày 2 tháng 11 năm 2023 trừ một số điều có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023. Thông tư 67 thay thế Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 (“Thông tư 50”) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 (“Nghị định 73”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh Doanh Bảo hiểm và các Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50 ngoại trừ một số điều của Thông tư 50 có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 67 từ ngày 2 tháng 11 năm 2023. Không có sự khác biệt trọng yếu nào giữa các quy định về kế toán và báo cáo tài chính có liên quan của Thông tư 67 và các quy định tương ứng của Thông tư 50.



#### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

Ngoại trừ những thay đổi trong chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3, những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng nhất quán trong các năm được trình bày trong báo cáo tài chính này.

##### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

##### **(c) Các khoản đầu tư**

###### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác**

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được lập như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn được quyết định bởi Ban Điều hành Tổng Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(e) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ**

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 4(m)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày báo cáo phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(f) Ký quỹ bảo hiểm

*Trước ngày 1 tháng 7 năm 2023*

Theo quy định của Nghị định 73, Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán của Tổng Công ty bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ được rút toàn bộ khi Tổng Công ty chấm dứt hoạt động.

*Từ ngày 1 tháng 7 năm 2023*

Theo quy định của Nghị định 46, Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán của Tổng Công ty bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ được rút toàn bộ khi Tổng Công ty chấm dứt hoạt động.

Việc áp dụng các quy định của Nghị định 46 liên quan đến ký quỹ bảo hiểm không có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 13 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm. Không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu gồm chi phí cải tạo, nâng cấp và trang trí văn phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ trên 1 năm đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng, trừ các khoản dự phòng nghiệp vụ được đề cập tại Thuyết minh 4(m), được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

### ***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

### **(m) Dự phòng nghiệp vụ**

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023), Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023) và Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 1 năm 2018 (“Công văn 792”) do Bộ Tài Chính ban hành chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

### **(i) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ**

#### ***Dự phòng phí chưa được hưởng***

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với phần rủi ro mà Tổng Công ty phải gánh chịu sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 17 của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023), cụ thể như sau:

- Phương pháp 1/24: phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

#### ***Dự phòng bồi thường***

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 17 của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo quy định tại Điều 36 của Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023).



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Công văn 792.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

#### ***Dự phòng dao động lớn***

Dự phòng dao động lớn được trích lập hàng năm ở mức 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 792.

Dự phòng dao động lớn được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này đạt 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính hiện hành.

### ***(ii) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe***

#### ***Dự phòng toán học***

Dự phòng toán học cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 17 của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023), chi tiết như sau:

- Phương pháp 1/8: Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn). Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Tổng Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó;
- Phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày (1/365): Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một ngày của Tổng Công ty được phân bổ đều cuối ngày hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một ngày cụ thể được giả định là có hiệu lực vào cuối ngày đó.

#### ***Dự phòng phí chưa được hưởng***

Dự phòng phí chưa được hưởng cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 17 của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023), cụ thể như sau:

- Phương pháp 1/24: Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

#### ***Dự phòng bồi thường***

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết được trích lập theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 19 của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo quy định tại Điều 36 của Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023).

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Công văn 792.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

#### ***Dự phòng đảm bảo cân đối***

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 792.

Không có sự khác biệt trọng yếu nào giữa các quy định của Thông tư 67 và Thông tư 50 liên quan đến việc trích lập và ghi nhận dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm.

### **(n) Vốn cổ phần**

#### ***(i) Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

#### ***(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)***

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(o) Các quỹ

(i) *Quỹ dự trữ bắt buộc*

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được trích lập cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc này bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Các quỹ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) *Tài sản tài chính*

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau.

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.



**(q) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(r) Doanh thu phí bảo hiểm**

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023).

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, cụ thể như sau:

- Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và Tổng Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Khi rủi ro được hủy bỏ và cần hoàn lại phí bảo hiểm, phí bảo hiểm bằng văn bản được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền phí bảo hiểm được hoàn phát sinh, nếu thích hợp.

Không có sự khác biệt trọng yếu nào giữa các quy định của Thông tư 67 và Thông tư 50 liên quan đến việc ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(s) Doanh thu từ hoạt động đầu tư**

**(i) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được thông báo khớp lệnh các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(t) Hoạt động tái bảo hiểm**

**(i) Nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 4(m)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

**(ii) Nhận tái bảo hiểm**

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được bản xác nhận thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(e).



**(u) Chi phí bồi thường bảo hiểm**

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong một kỳ kế toán dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) thường xuyên được rà soát lại và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản chi phí bồi thường trong năm bao gồm các khoản đã thanh toán trong năm kế toán liên quan đến các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh trong năm đó, các khoản dự phòng cho yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết hoặc các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và các điều chỉnh trong năm hiện tại đối với các khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường phát sinh trong các kỳ trước.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

**(v) Chi phí khai thác bảo hiểm**

Toàn bộ chi phí khai thác bảo hiểm ngoại trừ chi phí hoa hồng phát sinh từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**(w) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(x) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(y) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hiện tại, Tổng Công ty có một bộ phận hoạt động kinh doanh là hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và hoạt động trên một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**(z) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(aa) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà không được phản ánh trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**(bb) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm trước.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền mặt	2.046.928.427	2.033.671.320
Tiền gửi ngân hàng	85.182.328.549	272.717.865.854
Các khoản tương đương tiền (i)	485.000.000.000	368.635.237.205
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	572.229.256.976	643.386.774.379

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 7,00% đến 11,48% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 4,40% đến 9,40%).



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC  
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023			31/12/2022				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị thuần VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị thuần VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>								
HPG	-	-	-	-	220.000	7.763.750.000	(3.803.750.000)	3.960.000.000
QNS	-	-	-	-	180.000	7.370.310.000	(893.910.000)	6.476.400.000
STB	-	-	-	-	210.000	6.700.000.000	(1.975.000.000)	4.725.000.000
QTP	-	-	-	-	350.000	5.710.000.000	(1.128.500.000)	4.581.500.000
TDM	-	-	-	-	170.000	5.092.043.260	-	5.092.043.260
CTD	-	-	-	-	34.700	2.296.411.730	(1.154.781.730)	1.141.630.000
PVT	-	-	-	-	35.200	693.414.354	-	693.414.354
<b>Cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM</b>								
PEG	199.351	4.186.371.000	(3.309.226.600)	877.144.400	199.351	4.186.371.000	(3.010.200.100)	1.176.170.900
PCF	43.800	444.000.000	(227.190.000)	216.810.000	43.800	444.000.000	(339.756.000)	104.244.000
PND	19.607	196.070.000	(66.663.800)	129.406.200	19.607	196.070.000	(47.056.800)	149.013.200
		4.826.441.000	(3.603.080.400)	1.223.360.600		40.452.370.344	(12.352.954.630)	28.099.415.714
<b>Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết</b>								
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức (trước đây là “Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam”) 1.153.173	1.153.173	19.961.996.000	-	19.961.996.000	1.153.173	19.961.996.000	-	19.961.996.000
		24.788.437.000	(3.603.080.400)	21.185.356.600		60.414.366.344	(12.352.954.630)	48.061.411.714



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	12.352.954.630	3.947.452.312
(Hoàn nhập/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27))	(8.749.874.230)	8.405.502.318
Số dư cuối năm	3.603.080.400	12.352.954.630

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (i)	705.513.671.233	730.705.156.044
▪ Trái phiếu	-	25.000.000.000
	705.513.671.233	755.705.156.044
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (ii)	182.000.000.000	6.000.000.000
▪ Trái phiếu (iii)	1.503.000.000	41.503.000.000
	183.503.000.000	47.503.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (iv)	(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
	182.000.000.000	46.000.000.000

**(c) Đầu tư ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Đầu tư ngắn hạn khác		
▪ Ủy thác đầu tư (v)	32.129.179.580	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác (Thuyết minh 27) (vi)	(803.524.000)	-
	31.325.655.580	-

- (i) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 4,27% đến 9,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: từ 4,90% đến 10,50%).



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

- (ii) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND, có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng mức lãi suất năm từ 5,55% đến 10,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 9,20% đến 11,50%).
- (iii) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam
- (iv) Số dư dự phòng này phản ánh dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam.
- (v) Số dư này phản ánh khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư ký với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công có thời hạn gốc là 12 tháng mà theo đó Tổng Công ty chịu rủi ro đối với các khoản đầu tư thuộc Hợp đồng ủy thác đầu tư này.
- (vi) Số dư dự phòng này phản ánh khoản dự phòng giảm giá của các chứng khoán thuộc Hợp đồng ủy thác đầu tư ký với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công.

## 7. Các khoản phải thu

### (a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	48.102.857.500	68.577.894.356
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	58.706.604.306	82.423.464.839
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	169.277.102.420	150.894.132.249
Phải thu phí đồng bảo hiểm	7.703.637.061	8.480.155.082
Phải thu khác	96.234.377	224.713.188
	<hr/>	<hr/>
	283.886.435.664	310.600.359.714
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(30.026.850.787)	(37.507.491.257)
	<hr/>	<hr/>
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm thuần	253.859.584.877	273.092.868.457



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng	61.251.170.839	40.597.276.919
Tạm ứng chi phí kinh doanh	40.112.997.612	44.794.821.810
Tạm ứng bồi thường	31.256.740.216	58.220.796.846
Ký quỹ ngắn hạn	2.991.716.925	1.103.769.460
Phải thu khác	8.504.749.731	13.033.469.129
	<hr/>	<hr/>
	144.117.375.323	157.750.134.164
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.454.778.661)	(4.514.778.661)
	<hr/>	<hr/>
Phải thu ngắn hạn khác thuần	139.662.596.662	153.235.355.503

**(c) Các khoản phải thu dài hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu dài hạn khác		
▪ Ký quỹ bảo hiểm (i)	12.000.000.000	12.000.000.000
▪ Phải thu lãi tiền gửi dài hạn tại ngân hàng	11.977.221.553	740.421.990
	<hr/>	<hr/>
	23.977.221.553	12.740.421.990

- (i) Tổng Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch và hưởng lãi suất năm là 9,25% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 6,50%).



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

(d) Dự phòng phải thu khó đòi	31/12/2023		31/12/2022			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>						
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	33.784.092.363	30.026.850.787	3.757.241.576	39.720.287.009	37.507.491.257	2.212.795.752
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.454.778.661	4.454.778.661	-	4.514.778.661	4.514.778.661	-
	38.238.871.024	34.481.629.448	3.757.241.576	44.235.065.670	42.022.269.918	2.212.795.752

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	42.022.269.918	42.968.997.505
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	(7.598.489.832)	(973.192.587)
Điều chỉnh khác	57.849.362	26.465.000
Số dư cuối năm	34.481.629.448	42.022.269.918



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i)	47.966.527.090	80.717.843.780
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.510.202.194	2.658.796.382
	<u>50.476.729.284</u>	<u>83.376.640.162</u>

(i) Biến động chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	80.717.843.780	83.353.873.817
Tăng trong năm	159.530.218.180	163.942.738.676
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 25)	(192.281.534.870)	(166.578.768.713)
Số dư cuối năm	<u>47.966.527.090</u>	<u>80.717.843.780</u>



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC  
 ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc (i) VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.887.723.356	46.065.356.528
Tăng trong năm	-	-	-	126.970.000	126.970.000
Xóa sổ	-	(1.120.212.436)	-	-	(1.120.212.436)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>28.971.897.765</b>	<b>7.604.225.652</b>	<b>1.481.297.319</b>	<b>7.014.693.356</b>	<b>45.072.114.092</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	13.718.273.319	5.542.802.026	1.177.963.803	6.146.666.639	26.585.705.787
Khấu hao trong năm	1.029.797.412	289.417.593	173.333.296	299.416.817	1.791.965.118
Xóa sổ	-	(1.120.212.436)	-	-	(1.120.212.436)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.748.070.731</b>	<b>4.712.007.183</b>	<b>1.351.297.099</b>	<b>6.446.083.456</b>	<b>27.257.458.469</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	15.253.624.446	3.181.636.062	303.333.516	741.056.717	19.479.650.741
Số dư cuối năm	14.223.827.034	2.892.218.469	130.000.220	568.609.900	17.814.655.623



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Nhà cửa, vật kiến trúc (i) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.595.486.992	45.773.120.164
Tăng trong năm	-	-	-	292.236.364	292.236.364
Số dư cuối năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.887.723.356	46.065.356.528
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	12.688.475.907	4.543.362.272	1.004.630.571	5.804.625.425	24.041.094.175
Khấu hao trong năm	1.029.797.412	999.439.754	173.333.232	342.041.214	2.544.611.612
Số dư cuối năm	13.718.273.319	5.542.802.026	1.177.963.803	6.146.666.639	26.585.705.787
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	16.283.421.858	4.181.075.816	476.666.748	790.861.567	21.732.025.989
Số dư cuối năm	15.253.624.446	3.181.636.062	303.333.516	741.056.717	19.479.650.741

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 9.621 triệu VND (31/12/2022: 8.189 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản mục này bao gồm một căn nhà với giá trị còn lại là 4.180.181.819 VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác và Tổng Công ty đã ngừng trích khấu hao cho tài sản này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 16(ii)).

**10. Tài sản cố định vô hình**

<b>Năm kết thúc</b> <b>ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Quyền</b> <b>sử dụng đất (i)</b> <b>VND</b>	<b>Phần mềm</b> <b>máy vi tính</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	81.509.726.627	4.676.100.000	86.185.826.627
Tăng trong năm	-	9.000.000	9.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>81.509.726.627</b>	<b>4.685.100.000</b>	<b>86.194.826.627</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	5.774.956.727	3.945.067.669	9.720.024.396
Khấu hao trong năm	184.300.656	275.955.159	460.255.815
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.959.257.383</b>	<b>4.221.022.828</b>	<b>10.180.280.211</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	75.734.769.900	731.032.331	76.465.802.231
Số dư cuối năm	75.550.469.244	464.077.172	76.014.546.416
<b>Năm kết thúc</b> <b>ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>Quyền</b> <b>sử dụng đất (i)</b> <b>VND</b>	<b>Phần mềm</b> <b>máy vi tính</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	76.902.210.127	4.524.100.000	81.426.310.127
Tăng trong năm	4.607.516.500	152.000.000	4.759.516.500
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>81.509.726.627</b>	<b>4.676.100.000</b>	<b>86.185.826.627</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	5.406.355.409	3.605.940.616	9.012.296.025
Khấu hao trong năm	368.601.318	339.127.053	707.728.371
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.774.956.727</b>	<b>3.945.067.669</b>	<b>9.720.024.396</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	71.495.854.718	918.159.384	72.414.014.102
Số dư cuối năm	75.734.769.900	731.032.331	76.465.802.231



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 8.607 triệu VND (31/12/2022: 8.607 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (i) Khoản mục này bao gồm một quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.470.585.373 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 9 và Thuyết minh 16(ii)).

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	15.947.870.000	13.228.280.000
Tăng trong năm	5.434.430.322	2.719.590.000
Số dư cuối năm	21.382.300.322	15.947.870.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 1)	10.793.620.322	10.686.800.000
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 2)	4.863.430.000	1.535.820.000
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 3)	3.245.250.000	1.745.250.000
Hệ thống quản lý trực tuyến Fast Business	2.480.000.000	1.980.000.000
	21.382.300.322	15.947.870.000

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí mua bảo hiểm cho nhân viên VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	18.942.550.000	972.763.690	2.808.155.607	404.913.704	23.128.383.001
Tăng trong năm	18.859.775.000	1.412.781.711	885.699.162	4.840.487.546	25.998.743.419
Phân bổ trong năm	(18.942.550.000)	(1.298.204.057)	(1.713.299.350)	(4.601.870.601)	(26.555.924.008)
Số dư cuối năm	18.859.775.000	1.087.341.344	1.980.555.419	643.530.649	22.571.202.412





Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20%	6.160.053.675	5.220.115.626

**14. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	235.185.821.864	280.848.599.822
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	37.907.169.492	23.672.690.643
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	51.657.534.242	25.220.412.102
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	16.227.281.269	15.106.248.518
Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc	2.809.546.765	1.549.798.244
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	635.067.505	1.447.592.638
	<u>344.422.421.137</u>	<u>347.845.341.967</u>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/ cần trừ VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.932.078.669	46.013.099.821	(46.417.620.123)	7.527.558.367
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.905.839.866	23.021.141.102	(24.847.395.119)	13.079.585.849
Thuế thu nhập cá nhân	2.912.576.825	19.762.529.332	(18.005.154.901)	4.669.951.256
Thuế khác	415.047.838	1.339.957.500	(1.280.951.801)	474.053.537
	<u>26.165.543.198</u>	<u>90.136.727.755</u>	<u>(90.551.121.944)</u>	<u>25.751.149.009</u>



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

## 16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (i)	6.222.914.527	60.038.383.798
Phải trả khác	14.732.196.122	17.380.959.791
Phải trả cổ tức	9.349.966.452	10.305.870.732
Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (ii)	9.136.363.636	9.136.363.636
Phí bảo hiểm nhận được từ khách hàng không xác định	7.759.625.930	6.567.620.052
Phải trả phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm	3.034.801.953	2.578.555.469
Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	2.295.764.603	1.424.048.131
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	673.010.108	603.166.028
Phải trả Quỹ phòng cháy chữa cháy	286.671.542	215.824.644
	53.491.314.873	108.250.792.281

- (i) Số dư này phản ánh số tiền bồi thường phân bổ cho các công ty tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- (ii) Số dư này phản ánh số tiền Tổng Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Tổng Công ty. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh 9 và Thuyết minh 10).

## 17. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

Biến động doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	58.895.295.871	65.001.201.436
Tăng trong năm	98.401.791.446	148.021.090.034
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 22)	(122.884.492.491)	(154.126.995.599)
	34.412.594.826	58.895.295.871



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

## 18. Dự phòng nghiệp vụ

### (a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	301.082.566.982	70.411.702.202	230.670.864.780
▪ Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	255.457.918.467	58.168.519.553	197.289.398.914
▪ Dự phòng IBNR	45.624.648.515	12.243.182.649	33.381.465.866
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	575.989.067.455	124.368.717.797	451.620.349.658
	877.071.634.437	194.780.419.999	682.291.214.438
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	417.763.513.417	161.997.046.586	255.766.466.831
▪ Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	369.508.741.358	145.481.324.379	224.027.416.979
▪ Dự phòng IBNR	48.254.772.059	16.515.722.207	31.739.049.852
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	663.530.871.731	196.282.630.081	467.248.241.650
	1.081.294.385.148	358.279.676.667	723.014.708.481



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

(i) Biến động dự phòng bồi thường trong năm như sau:

<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)</b>	<b>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)</b>	<b>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)</b>
Số dư đầu năm	417.763.513.417	161.997.046.586	255.766.466.831
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(116.680.946.435)	(91.585.344.384)	(25.095.602.051)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>301.082.566.982</b>	<b>70.411.702.202</b>	<b>230.670.864.780</b>
<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)</b>	<b>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)</b>	<b>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)</b>
Số dư đầu năm	334.083.034.511	86.359.615.954	247.723.418.557
Trích lập dự phòng trong năm	83.680.478.906	75.637.430.632	8.043.048.274
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>417.763.513.417</b>	<b>161.997.046.586</b>	<b>255.766.466.831</b>

(ii) Biến động dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)</b>	<b>Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)</b>	<b>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)</b>
Số dư đầu năm	663.530.871.731	196.282.630.081	467.248.241.650
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(87.541.804.276)	(71.913.912.284)	(15.627.891.992)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>575.989.067.455</b>	<b>124.368.717.797</b>	<b>451.620.349.658</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	642.828.375.544	212.684.385.594	430.143.989.950
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	20.702.496.187	(16.401.755.513)	37.104.251.700
Số dư cuối năm	663.530.871.731	196.282.630.081	467.248.241.650

**(b) Dự phòng dao động lớn**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	93.068.408.400	82.488.725.112
Trích lập dự phòng trong năm	11.127.155.292	10.579.683.288
Số dư cuối năm	104.195.563.692	93.068.408.400





**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DNPN  
 (Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC  
 ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**19. Vốn chủ sở hữu**

**(a) Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	25.386.364.649	9.777.766.140	97.559.589.129	732.302.465.073
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	87.844.222.372	87.844.222.372
Cổ tức	-	-	-	-	-	(72.179.367.222)	(72.179.367.222)
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	3.800.313.255	(3.800.313.255)	-
Trích lập quỹ dự trữ bất buộc	-	-	-	4.392.211.119	-	(4.392.211.119)	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	29.778.575.768	13.578.079.395	105.031.919.905	747.967.320.223
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	88.937.406.175	88.937.406.175
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	4.172.600.563	(4.172.600.563)	-
Trích lập quỹ dự trữ bất buộc	-	-	-	4.446.870.309	-	(4.446.870.309)	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	34.225.446.077	17.750.679.958	185.349.855.208	836.904.726.398



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 29 tháng 3 năm 2019, tùy thuộc vào hiệu quả kinh doanh thực tế trong giai đoạn 2016 – 2022, Tổng Công ty sẽ trích tỷ lệ từ 5% – 20% nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (sau khi trích lập các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát) của từng năm để tạo nguồn thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Theo đó, Tổng Công ty đã trích thêm vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền 4.172.600.563 VND, tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Khoản thưởng này vẫn chưa chi trả cho nhân viên và đang được ghi nhận ở khoản mục quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**(b) Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(526)	(5.260.000)	(526)	(5.260.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.474	599.994.740.000	59.999.474	599.994.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	49.082.342	81,80%
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.903.651	6,51%
Các cổ đông cá nhân khác	7.013.481	11,69%
	59.999.474	100%



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**20. Doanh thu phí bảo hiểm**

**(a) Phí bảo hiểm gốc**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xe cơ giới	483.832.554.223	541.101.401.016
Bảo hiểm con người	299.483.363.065	306.717.622.659
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	269.326.152.179	323.273.442.449
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	100.533.156.145	101.423.672.402
Bảo hiểm tàu thuyền	54.320.417.769	48.580.125.883
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	49.345.909.064	34.824.870.551
Bảo hiểm thuyền viên	6.125.272.140	4.983.575.629
	<hr/>	<hr/>
	1.262.966.824.585	1.360.904.710.589
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phí nhận tái bảo hiểm**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xe cơ giới	32.275.685.750	29.105.966.446
Bảo hiểm con người	84.630.930.079	71.557.168.237
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	121.565.174.422	132.011.430.268
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	835.493.195	1.414.971.082
Bảo hiểm tàu thuyền	171.369.066	206.213.154
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	18.376.140.079	13.291.942.199
	<hr/>	<hr/>
	257.854.792.591	247.587.691.386
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**21. Tổng phí nhượng tái bảo hiểm**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Bảo hiểm xe cơ giới	71.663.857.905	161.981.985.870
Bảo hiểm con người	90.991.094.849	115.277.715.945
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	168.395.104.450	206.859.698.794
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	33.972.980.333	33.857.478.067
Bảo hiểm tàu thuyền	16.717.163.703	12.708.588.784
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	25.654.220.374	19.376.093.636
Bảo hiểm thuyền viên	711.666.364	462.512.147
	<hr/>	<hr/>
	408.106.087.978	550.524.073.243

**22. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Bảo hiểm xe cơ giới	42.747.160.811	57.875.285.047
Bảo hiểm con người	19.551.268.152	30.381.217.989
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	45.788.972.428	47.998.902.253
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	7.592.150.765	8.294.198.891
Bảo hiểm tàu thuyền	2.571.623.494	1.425.455.173
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	4.633.316.841	8.151.936.246
	<hr/>	<hr/>
	122.884.492.491	154.126.995.599



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**23. Chi bồi thường**

	2023 VND	2022 VND
<i>Chi bồi thường</i>		
▪ Chi bồi thường bảo hiểm gốc (i)	571.443.699.761	477.272.832.962
▪ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (ii)	166.248.353.893	85.288.311.433
	<hr/> 737.692.053.654	<hr/> 562.561.144.395
<i>Trừ đi các khoản giảm trừ bồi thường</i>		
▪ Thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường	(9.211.282.778)	(2.605.159.682)
	<hr/> 728.480.770.876	<hr/> 559.955.984.713
<hr/>		
(i) Chi bồi thường bảo hiểm gốc		
	2023 VND	2022 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	258.836.200.345	264.402.324.313
Bảo hiểm con người	131.952.881.900	115.846.889.754
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	108.973.949.134	39.215.023.535
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	33.184.178.903	29.224.484.004
Bảo hiểm tàu thuyền	33.487.352.497	26.461.762.297
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	4.245.838.540	1.372.115.059
Bảo hiểm thuyền viên	763.298.442	750.234.000
	<hr/> 571.443.699.761	<hr/> 477.272.832.962
<hr/>		
(ii) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm		
	2023 VND	2022 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	25.981.846.494	31.679.402.318
Bảo hiểm con người	102.609.629.130	21.250.949.665
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	35.365.719.844	30.669.831.712
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	110.609.875	74.007.418
Bảo hiểm tàu thuyền	1.813.314.683	1.134.590.210
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	367.233.867	479.530.110
	<hr/> 166.248.353.893	<hr/> 85.288.311.433
<hr/>		



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**24. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Bảo hiểm xe cơ giới	102.104.195.679	68.365.576.695
Bảo hiểm con người	78.190.727.196	84.279.647.872
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	90.192.957.505	28.707.343.575
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	12.380.525.337	12.618.631.688
Bảo hiểm tàu thuyền	9.831.479.040	7.300.495.504
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	1.216.781.438	1.349.780.467
	<hr/> 293.916.666.195	<hr/> 202.621.475.801

**25. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi hoa hồng bảo hiểm (Thuyết minh 8(i))	192.281.534.870	166.578.768.713
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		
<i>Chi phí phát triển kinh doanh</i>	<i>152.760.678.416</i>	<i>180.820.906.378</i>
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>114.960.678.619</i>	<i>71.622.032.645</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>78.867.527.103</i>	<i>90.427.252.713</i>
<i>Chi phí giám định tổn thất</i>	<i>20.343.296.087</i>	<i>13.315.468.207</i>
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	<i>4.046.392.823</i>	<i>5.499.514.373</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>38.274.839.240</i>	<i>36.183.255.170</i>
	<hr/> 409.253.412.288	<hr/> 397.868.429.486
	<hr/> 601.534.947.158	<hr/> 564.447.198.199

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn	108.008.644.630	73.998.793.356
Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.231.057.386	61.063.030.515
Thu nhập lãi từ đầu tư trái phiếu	1.846.854.452	11.067.661.540
Cổ tức được chia	2.202.250.000	1.054.060.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.374.795.242	3.335.704.918
Lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư	3.878.763.889	-
	<hr/> 122.542.365.599	<hr/> 150.519.250.329



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	6.882.196.155	1.338.869.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 6(a))	3.763.735.139	4.498.779.146
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán thuộc hợp đồng ủy thác đầu tư (Thuyết minh 6(c))	(8.749.874.230)	8.405.502.318
Chi phí tài chính khác	803.524.000	-
	-	66.000
	<b>2.699.581.064</b>	<b>14.243.216.744</b>

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	186.185.289.196	187.168.057.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.805.958.208	60.049.052.381
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 6(d))	(7.598.489.832)	(973.192.587)
Công cụ và dụng cụ	7.590.356.815	6.152.008.157
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	6.411.073.480	7.067.676.916
Chi phí khấu hao	2.252.220.933	3.252.339.983
Thuế và phí	96.799.784	123.216.972
	<b>244.743.208.584</b>	<b>262.839.158.897</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2023 VND	2022 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	23.460.341.102	21.408.195.119
Dự phòng thừa trong năm trước	(439.200.000)	-
	<hr/> 23.021.141.102	<hr/> 21.408.195.119
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(939.938.049)	863.034.329
	<hr/> 22.081.203.053	<hr/> 22.271.229.448

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	111.018.609.228	110.115.451.820
	<hr/> 22.203.721.846	<hr/> 22.023.090.364
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	22.203.721.846	22.023.090.364
Chi phí không được khấu trừ thuế	757.131.207	458.951.084
Thu nhập không bị tính thuế (i)	(440.450.000)	(210.812.000)
Dự phòng thừa trong năm trước	(439.200.000)	-
	<hr/> 22.081.203.053	<hr/> 22.271.229.448

(i) Thu nhập không bị tính thuế liên quan đến thu nhập từ cổ tức được chia.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	88.937.406.175	87.844.222.372
Số phân bổ vào quỹ khác (*)	(4.172.600.563)	(3.800.313.255)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>84.764.805.612</u>	<u>84.043.909.117</u>

(\*) Số phân bổ vào quỹ khác để tạo nguồn thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số tiền tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2023</b> <b>Cổ phiếu</b>	<b>2022</b> <b>Cổ phiếu</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	59.999.474	59.999.474
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	<u>59.999.474</u>	<u>59.999.474</u>

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2023</b> <b>VND/cổ phiếu</b>	<b>2022</b> <b>VND/cổ phiếu</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.413</u>	<u>1.401</u>



### 31. Các công cụ tài chính

#### (a) Quản lý rủi ro tài chính

##### Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

#### (b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu, trái phiếu, tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

##### Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	570.182.328.549	641.353.103.059
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(i)	705.513.671.233	730.705.156.044
Trái phiếu – ngắn hạn	(ii)	-	25.000.000.000
Ủy thác đầu tư – tiền gửi ngân hàng	(ii)	7.759.479.580	-
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – gộp	(iii)	283.886.435.664	310.600.359.714
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	(iii)	61.251.170.839	40.597.276.919
Ký quỹ ngắn hạn	(iii)	2.991.716.925	1.103.769.460
Phải thu khác	(iii)	48.617.747.343	57.828.290.939
Ký quỹ bảo hiểm	(i)	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	(ii)	11.977.221.553	740.421.990
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	(i)	182.000.000.000	6.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	(ii)	1.503.000.000	41.503.000.000
Tài sản dài hạn khác	(iii)	9.629.634.050	8.023.354.842
		<u>1.897.312.405.736</u>	<u>1.875.454.732.967</u>





**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, ủy thác đầu tư – tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, ủy thác đầu tư – tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

**(ii) Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào loại chứng khoán nợ của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Tổng Công ty.

**(iii) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	29.734.900.604	32.121.842.829
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.817.012.239	4.871.429.947
Quá hạn trên 180 ngày	379.775.906	13.534.262.624
	31.931.688.749	50.527.535.400

Các khoản phải thu bị quá hạn và đã được trích lập dự phòng tại ngày báo cáo được trình bày trong Thuyết minh 7(d).



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	344.422.421.137	344.422.421.137	344.422.421.137
Phải trả cổ tức	9.349.966.452	9.349.966.452	9.349.966.452
Chi phí phải trả	20.390.963.551	20.390.963.551	20.390.963.551
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	18.726.679.725	18.726.679.725	18.726.679.725
	<b>392.890.030.865</b>	<b>392.890.030.865</b>	<b>392.890.030.865</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	347.845.341.967	347.845.341.967	347.845.341.967
Phải trả cổ tức	10.305.870.732	10.305.870.732	10.305.870.732
Chi phí phải trả	34.021.717.599	34.021.717.599	34.021.717.599
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.778.505.932	20.778.505.932	20.778.505.932
	<b>412.951.436.230</b>	<b>412.951.436.230</b>	<b>412.951.436.230</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tổng Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch có gốc ngoại tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tổng Công ty đảm bảo trạng thái thuần của rủi ro này được giữ ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mất cân đối ngắn hạn. Ban Điều hành không tham gia vào các giao dịch bảo hiểm rủi ro tiền tệ vì cho rằng chi phí của các công cụ này lớn hơn rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái đối với Tổng Công ty là không trọng yếu.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	570.182.328.549	641.353.103.059
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	705.513.671.233	730.705.156.044
Trái phiếu – ngắn hạn	-	25.000.000.000
Ủy thác đầu tư – tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	7.759.479.580	-
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	182.000.000.000	6.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	1.503.000.000	41.503.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	12.000.000.000

**(iii) Rủi ro giá cổ phiếu**

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn kinh doanh do Tổng Công ty nắm giữ. Ban Điều hành của Tổng Công ty theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Đầu tư phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của Tổng Công ty là không đáng kể vì Tổng Công ty nắm giữ danh mục đầu tư không trọng yếu.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu niêm yết	-	-	26.669.987.614	26.669.987.614
▪ Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM	1.223.360.600	1.223.360.600	1.429.428.100	1.429.428.100
▪ Chứng khoán kinh doanh – chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	19.961.996.000	(*)	19.961.996.000	(*)
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	705.513.671.233	(*)	730.705.156.044	(*)
▪ Trái phiếu – ngắn hạn	-	-	25.000.000.000	(*)
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	182.000.000.000	(*)	6.000.000.000	(*)
▪ Trái phiếu – dài hạn	-	(*)	40.000.000.000	(*)



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền các khoản tương đương tiền	572.229.256.976	572.229.256.976	643.386.774.379	643.386.774.379
▪ Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	283.886.435.664	(*)	310.600.359.714	(*)
▪ Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	61.251.170.839	(*)	40.597.276.919	(*)
▪ Ký quỹ ngắn hạn	2.991.716.925	(*)	1.103.769.460	(*)
▪ Phải thu khác	48.617.747.343	(*)	57.828.290.939	(*)
▪ Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
▪ Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	11.977.221.553	(*)	740.421.990	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	9.629.634.050	(*)	8.023.354.842	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>				
▪ Đầu tư ngắn hạn khác	31.325.655.580	(*)	-	-
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	(344.422.421.137)	(*)	(347.845.341.967)	(*)
▪ Phải trả cổ tức	(9.349.966.452)	(*)	(10.305.870.732)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(20.390.963.551)	(*)	(34.021.717.599)	(*)
▪ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	(18.726.679.725)	(*)	(20.778.505.932)	(*)

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn đã niêm yết được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá trị hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



### 32. Rủi ro bảo hiểm

#### *Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy*

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 50 và Công văn số 792 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 67 và Công văn 792 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023).

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn 792 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, điều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Tổng Công ty duy trì biên khả năng thanh toán tối thiểu trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Nghị định 73 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2023) và Nghị định 46 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2023).

Biên khả năng thanh toán tối thiểu của công ty bảo hiểm phi nhân thọ sẽ là giá trị lớn hơn của các kết quả tính toán sau:

- 25,0% trong tổng số phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán;
- 12,5% trong tổng số phí bảo hiểm gốc cộng với phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán.

Bảng dưới đây nêu lên tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ an toàn vốn của Tổng Công ty. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát bảo hiểm đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty VND	Biên khả năng thanh toán tối thiểu VND	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán %
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	627.645.351.795	278.178.882.300	226%
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	496.213.564.293	264.492.082.183	188%

### 33. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### (a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Trong vòng một năm	10.931.805.028	10.447.731.840
Trong vòng hai đến năm năm	10.535.874.001	14.701.243.572
	<u>21.467.679.029</u>	<u>25.148.975.412</u>

#### (b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		31/12/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.053.208	25.289.907.307	2.026.871	47.537.942.662



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

### 34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

#### (a) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
	Phải thu/(phải trả)	
<i>Công ty mẹ</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Tiền gửi thanh toán	25.456.238.612	178.165.429.546
Tiền gửi có kỳ hạn	1.105.259.600.000	874.340.393.249
Dự thu lãi tiền gửi	60.758.922.973	33.575.869.267
<i>Công ty liên quan khác</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán	9.478.127.795	7.778.431.582
Tiền gửi có kỳ hạn	52.000.000.000	33.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	2.655.999.763	1.323.611.343
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	(47.100.000)	(94.200.000)
<b>Thành viên Ban Điều hành</b>		
Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác	(608.200.000)	(705.036.412)



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

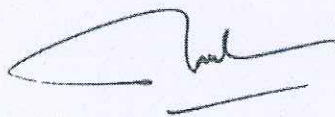
Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) Giao dịch phát sinh với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn</b>		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	1.105.259.600.000	21.747.902.491.730
Rút tiền gửi có kỳ hạn	874.340.393.249	21.435.658.548.902
Thu nhập lãi tiền gửi	92.402.405.553	58.669.740.206
Phí dịch vụ ngân hàng	13.808.920	982.807.440
Chia cô tức	-	59.046.057.426
<i>Công ty liên quan khác</i>		
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam</b>		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	55.000.000.000	28.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	36.000.000.000	34.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	3.783.943.196	2.411.638.778
Phí dịch vụ ngân hàng	222.199.371	826.373.201
Chia cô tức	-	4.696.092.153
<i>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt</i>		
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	2.556.000.000	2.668.615.600
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	898.260.000	721.670.700
<b>Thành viên Ban Điều hành</b>		
Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác	7.982.100.000	6.723.064.682


Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập:



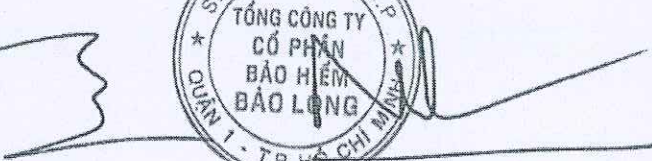
Châu Hậu Doanh Doanh  
Kế toán

Người kiểm soát:



Hà Minh Hiếu  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phan Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc





Số: 13./2024/TT-HĐQT

**TỜ TRÌNH**

V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2023/QH15 ban hành ngày 16/06/2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2023, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU (VNĐ)	DIỄN GIẢI
1	Lợi nhuận trước thuế	111.018.609.228	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	22.081.203.053	
3	Lợi nhuận sau thuế	88.937.406.175	= (1) – (2)
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc	4.446.870.309	= (3) * 5%
5	Lợi nhuận giữ lại sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	84.490.535.866	= (3) – (4)
6	Thù lao HĐQT và BKS năm 2023	1.254.870.309	Thực hiện theo Tờ trình số 15./2024/TT-HĐQT ngày 06/6/2024
7	Lợi nhuận giữ lại	83.235.665.557	= (5) – (6)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS “để báo cáo”;
- ĐHĐCĐ “để thông qua”;
- Lưu VT.

**PHAN QUỐC DŨNG**



Số: 14/2024/TT-HĐQT

## TỜ TRÌNH

V/v Kế hoạch kinh doanh năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) năm 2023 và dự báo xu hướng phát triển của Ngành bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong thời gian tới, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông duyệt thuận thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024, cụ thể như sau:

### I. MỤC TIÊU

Năm 2024 là năm thứ 2 Bảo Long triển khai chiến lược kinh doanh giai đoạn 2024 - 2027. Trong bối cảnh rủi ro kinh tế chính trị toàn cầu vẫn tăng cao, nền kinh tế trong nước chưa có những dấu hiệu phục hồi rõ ràng, Bảo Long sẽ tiếp tục tập trung vào các vấn đề cốt lõi ưu tiên sự ổn định hệ thống và an toàn hoạt động, cụ thể bao gồm các mục tiêu sau: giữ an toàn thanh khoản, kiểm soát tốt rủi ro, duy trì hiệu quả hoạt động; và đồng thời hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao năng lực nhân sự và sự gắn kết trong toàn hệ thống.

Các mục tiêu của năm 2024 phù hợp với chiến lược phát triển của giai đoạn với ba ưu tiên chiến lược (1) Công nghệ hóa, (2) Năng lực hoạt động, (3) Văn hóa và thương hiệu.

### II. GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2024

Năm 2024, Bảo Long triển khai 5 nhóm giải pháp trong chiến lược kinh doanh giai đoạn 5 năm 2024 - 2027.

Hiệu suất	
(1)	Hoàn thiện Hệ thống Megamind: giai đoạn 3 cho sản phẩm tài sản - kĩ thuật - hàng hóa và phân hệ tái bảo hiểm;
(2)	Hoàn thành việc xây dựng "Phân hệ bán hàng qua giao thức API", "Nền tảng phân phối sản phẩm Bảo hiểm cá nhân" và đưa vào sử dụng;
(3)	Tiếp tục rà soát lại mô hình vận hành tại các đơn vị thành viên và chức năng quản lý ngành dọc;



(4)	Tuyển dụng các đội ngũ kinh doanh có quy mô lớn, thành lập thêm TTKD
<b>Chuyên môn</b>	
(1)	Luân chuyển cán bộ quản lý giữa TSC và đơn vị;
(2)	Triển khai đào tạo “Kỹ năng đào tạo” cho nhân sự quản lý nghiệp vụ
<b>Cải tiến sáng tạo</b>	
(1)	Tái cấu trúc lại chương trình tái bảo hiểm, nâng cao năng lực tái bảo hiểm và hiệu quả hoạt động
<b>KPI</b>	
(1)	Áp dụng tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh cho toàn hệ thống;
(2)	Thực hiện Quy định về mô hình vận hành, quy mô tối thiểu, định biên năng suất cho các Đơn vị kinh doanh.
<b>Gắn kết</b>	
(1)	Triển khai các chương trình hướng đến chuỗi hoạt động kỷ niệm Bảo Long 30 năm - kế hoạch trọng tâm để truyền thông nội bộ, tạo sự gắn kết đội ngũ và xây dựng văn hóa doanh nghiệp

### III. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2024

Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch của Bảo Long năm 2024 được trình bày trong bảng dưới đây:

#### Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	TH 2023 triệu đồng	KH 2024 triệu đồng	% tăng trở lại
<b>Phí BH</b>	<b>1.520.822</b>	<b>1.530.000</b>	<b>0,60%</b>
Phí nhượng tái	(408.106)	(374.402)	
Tăng/(giảm) dự phòng phí	15.628	(13.743)	
Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	129.466	116.549	
<b>Doanh thu thuần hoạt động BH</b>	<b>1.257.810</b>	<b>1.258.404</b>	<b>0,05%</b>
Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(632.143)	(596.700)	
Thu bồi thường nhượng tái	202.331	161.218	
Tăng/(giảm) dự phòng dao động lớn	(11.126)	(6.040)	
Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(581.192)	(564.854)	
- Chi hoa hồng	(192.282)	(214.200)	
- Chi khác hoạt động kinh doanh BH	(388.910)	(350.654)	
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH	(1.022.131)	(1.006.377)	
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH</b>	<b>235.680</b>	<b>252.028</b>	<b>6,94%</b>
<b>Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>	<b>119.843</b>	<b>75.700</b>	<b>(36,8%)</b>
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(244.743)	(246.678)	
<b>Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh</b>	<b>110.780</b>	<b>81.050</b>	<b>(26,8%)</b>
Lợi nhuận khác	239	-	
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>111.019</b>	<b>81.050</b>	<b>(27,0%)</b>



## Quy mô tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	% tăng trưởng
	VNDm	VNDm	
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	786.487	774.429	(1,5%)
Vốn chủ sở hữu	836.905	901.744	7,7%
Danh mục đầu tư	1.433.153	1.440.847	0,5%
Tổng tài sản	2.328.999	2.382.000	2,3%

### 3.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

#### Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm năm 2024 duy trì so với cùng kì, ước đạt 1.530.000 triệu đồng.

#### Chi phí trích lập dự phòng phí

Với doanh thu năm 2024 không tăng trưởng, chi phí trích lập dự phòng phí (bao gồm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm) năm 2024 dự kiến là 13.743 triệu đồng.

#### Chi phí bồi thường (bao gồm trích lập dự phòng bồi thường)

Dự kiến chi phí bồi thường bao gồm các hồ sơ ước bồi thường trong năm 2024 khoảng 596.700 triệu đồng, tương đương với 39% doanh thu phí bảo hiểm. Tỷ lệ bồi thường thấp hơn với tỷ lệ bồi thường năm 2023 (41,6%).

#### Chi phí tái bảo hiểm

Với kế hoạch doanh thu, bồi thường như trên thì chi phí tái (bao gồm phí nhượng tái, hoa hồng nhượng tái, thu bồi thường nhượng tái) ước tính là 96.636 triệu đồng, chiếm 6,3% doanh thu phí bảo hiểm.

#### Chi phí hoa hồng, chi phí bán hàng và chi phí khác HĐKDBH tại đơn vị kinh doanh

##### Chi phí hoa hồng bảo hiểm:

Hoa hồng bảo hiểm được thực hiện theo đúng tỷ lệ quy định của BTC.

##### Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng bao gồm chi phí lương, chi phí bán hàng & phát triển kinh doanh thuộc định mức khoán cho các đơn vị kinh doanh trực tiếp được quy định trong Cơ chế tài chính áp dụng cho các đơn vị thành viên.

##### Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

Bao gồm chi phí trích lập dự phòng dao động lớn và chi phí dự phòng phải thu khó đòi, ước tính không có biến động lớn về tỷ lệ/doanh thu phí bảo hiểm trong năm 2024.



### Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Từ số liệu kế hoạch của các khoản mục doanh thu chi phí như trình bày ở trên, lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo kế hoạch sẽ là **252.028 triệu đồng**.

### 3.2. Hoạt động đầu tư tài chính

Tổng nguồn vốn đầu tư khả dụng bình quân	1.437.000 triệu đồng
Tỷ suất lợi nhuận bình quân kỳ vọng	5,27 %/ năm
<b>Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư</b>	<b>75.700 triệu đồng</b>

Năm 2024 là năm khó khăn về hoạt động đầu tư tài chính đối với Bảo Long. Cơ cấu danh mục đầu tư của Bảo Long bao gồm chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng trong khi đó mặt bằng lãi suất giảm mạnh và dự kiến tiếp tục đi ngang hoặc thậm chí giảm hơn nữa vào cuối năm. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đóng băng, thị trường chứng khoán tiềm ẩn nhiều rủi ro. Theo đó khả năng đa dạng hóa danh mục đầu tư để tăng hiệu quả cũng rất hạn chế. Dự kiến lợi nhuận đầu tư năm 2024 đạt 75,7 tỷ đồng với tỷ suất sinh lợi 5,27%.

### 3.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dự kiến năm 2024 phát sinh là 246.678 triệu đồng, tương đương so với năm 2023.

### 3.4. Lợi nhuận trước thuế

Năm 2024, lợi nhuận kế toán trước thuế của Bảo Long ước đạt **81.050 triệu đồng**, tương ứng ROE là 7,2%.

### 3.5. Quy mô tài sản và nguồn vốn

#### Quỹ dự phòng nghiệp vụ

Quỹ dự phòng nghiệp vụ năm 2024 ước là 774.429 triệu đồng.

#### Vốn chủ sở hữu

Năm 2024, vốn chủ sở hữu của Bảo Long ước đạt 901.744 triệu đồng, tăng 7,7% so với cùng kỳ.

#### Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư ước đạt 1.440.847 triệu đồng, tăng 0,5% so với cùng kỳ.

#### Tổng tài sản

Tổng tài sản năm 2024 ước tính là 2.382.000 triệu đồng, tăng 2,3% so cùng kỳ.



#### IV. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:


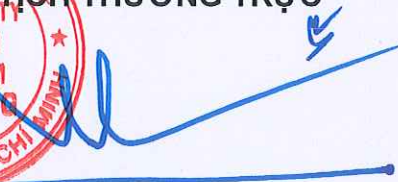
Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024, Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2024 phù hợp với tình hình và đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng. 

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS “để báo cáo”;
- ĐHĐCĐ “để thông qua”;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**  


**PHAN QUỐC DŨNG**





Số: 15/2024/TT-HĐQT

## TỜ TRÌNH

### Về kế hoạch thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024

#### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long,
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long,
- Căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2024,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt kế hoạch thù lao năm 2024 đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

#### 1. Thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và kết quả kinh doanh năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2023 như sau:

Quý thù lao được duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	4.446.870.309 đồng
Trong đó:	
Quý thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã chi trong năm 2023	3.192.000.000 đồng
Quý thưởng cho Hội đồng Quản trị năm 2023 (Bảo Long hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)	1.254.870.309 đồng

#### 2. Thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024

Với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế theo kế hoạch năm 2024, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả như sau:

##### 2.1. Nguyên tắc xác định mức thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả theo nguyên tắc:





- (i) Mức thù lao tháng của Thành viên chuyên trách tương ứng với lương bình quân 12 tháng năm 2023 của các chức danh quản lý từ cấp Giám đốc Vùng/ Giám đốc Trung tâm trở lên thuộc Trụ sở chính Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long cộng trừ tối đa 35%,
- (ii) Mức thù lao tháng của Thành viên không chuyên trách tối đa bằng 30% thù lao bình quân tháng của Thành viên chuyên trách,
- (iii) Hội đồng Quản trị quyết định mức thù lao cụ thể cho từng Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
- (iv) Việc quyết toán số tiền thù lao trong năm 2024 được xác định dựa trên số lương Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thời gian làm việc thực tế trong năm 2024 và mức thù lao theo nguyên tắc nêu trên.

## **2.2. Quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị:**

- (i) Quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị năm 2024 là phần chênh lệch giữa Quỹ thù lao kế hoạch (5% lợi nhuận trước thuế năm 2024) và Quỹ thù lao thực tế được chi theo Mục 2.1.
- (ii) Hệ số phân phối quỹ thưởng giữa các Thành viên Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quyết định.
- (iii) Điều kiện thưởng: Bảo Long hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



PHAN QUỐC DŨNG





Số: 02/2024/BC-HĐQT

**BÁO CÁO****Về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023  
và kế hoạch hoạt động năm 2024****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (HĐQT) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

**I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023****1. Kết quả thực hiện một số nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023:****- Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023:**

Chỉ tiêu	KH 2023 triệu đồng	TH 2023 triệu đồng	% HTKH
<b>Phí BH</b>	<b>1.610.000</b>	<b>1.520.822</b>	<b>94%</b>
Phí nhượng tái	(426.325)	(408.106)	
Tăng/(giảm) dự phòng phí	(22.233)	15.628	
Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	114.307	129.467	
<b>Doanh thu thuần hoạt động BH</b>	<b>1.275.749</b>	<b>1.257.810</b>	<b>99%</b>
Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(593.860)	(632.143)	
Thu bồi thường nhượng tái	208.539	202.331	
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(11.837)	(11.127)	
Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(619.726)	(581.192)	
- Chi hoa hồng	(166.735)	(192.282)	
- Chi khác hoạt động kinh doanh BH	(452.991)	(388.910)	
<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH</b>	<b>(1.016.883)</b>	<b>(1.022.131)</b>	
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH</b>	<b>258.866</b>	<b>235.680</b>	<b>91%</b>
<b>Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>	<b>103.900</b>	<b>119.843</b>	<b>115%</b>
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(263.086)	(244.743)	
<b>Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh</b>	<b>99.680</b>	<b>110.779</b>	<b>111%</b>
Lợi nhuận khác	-	239	
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>99.680</b>	<b>111.019</b>	<b>111%</b>



- **Chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:** Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã thống nhất cùng Ban Kiểm soát chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG) trong danh sách các công ty được ĐHĐCĐ 2023 ủy quyền HĐQT lựa chọn, để thực hiện dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 cho Bảo Long theo đúng quy định hiện hành.
- **Thù lao Hội đồng Quản trị:** Trong năm 2023, thù lao của các thành viên HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và nội dung tờ trình đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua.

## **2. Các hoạt động khác của Hội đồng Quản trị:**

- Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức các phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự mở rộng tham gia của các Thành viên Ban kiểm soát; lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, tham dự chỉ đạo các phiên họp giao ban hàng tháng với Ban Điều hành Tổng Công ty, theo đó các nghị quyết được thông qua như:
  - o **Các nghị quyết được thông qua tại các phiên họp thường kỳ:**
    - + Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2023.
    - + Thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm và dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh 6 tháng cuối năm 2023.
    - + Thông qua chủ trương về thành lập và vận hành các Trung tâm kinh doanh.
    - + Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm và kế hoạch hoạt động 3 tháng cuối năm 2023.
    - + Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh 11 tháng, dự kiến kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024.
  - o **Các nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:**
    - + Nghị quyết về việc phê duyệt chương trình tái bảo hiểm hàng năm.
    - + Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.
    - + Nghị quyết về việc thông qua các dự thảo tờ trình, báo cáo trình ĐHĐCĐ bất thường và thường niên 2023.
    - + Nghị quyết về việc thông qua báo cáo chiến lược 2023-2027, và kết quả kinh doanh năm 2022, kế hoạch kinh doanh năm 2023.
    - + Nghị quyết về việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm 2023 của Bảo Long.
    - + Nghị quyết về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng con dấu.
    - + Một số Nghị quyết liên quan đến việc điều chuyển, bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, miễn nhiệm CBNV và các vấn đề liên quan đến nhân sự khác của Bảo Long.



- + Và một số Nghị quyết khác trong thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.
- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định, tiếp nhận và xử lý kịp thời các yêu cầu của cổ đông.
- Thực hiện chức năng quản trị công ty theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

### **3. Đánh giá chung:**

Với tinh thần trách nhiệm trước cổ đông, HĐQT đã thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, hỗ trợ Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như nghị quyết, quyết định của HĐQT. Đánh giá chung của HĐQT là mặc dù còn một số tồn tại, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 đã hoàn thành, các công tác quản trị công ty trong năm được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, tạo tiền đề cho bước phát triển mới của Bảo Long trong năm 2024.

Trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ và có sự tham dự đầy đủ, tích cực của các Thành viên. Tại cuộc họp, các Thành viên HĐQT đã tập trung thảo luận các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề trọng tâm liên quan đến định hướng phát triển của Bảo Long; đưa ra những ý kiến đánh giá về chiến lược và chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm đã đề ra.

Đồng thời, HĐQT tích cực thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành Bảo Long. HĐQT đã thường xuyên có các chỉ đạo, định hướng kịp thời cho Ban Điều hành khi cần thiết, để tiếp tục duy trì, ổn định và phát huy thế mạnh kinh doanh của Bảo Long trong bối cảnh thị trường nhiều cạnh tranh và chưa phục hồi như trước khi diễn ra đại dịch.

Cụ thể, trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ chính yếu sau:

- Tích cực giám sát, chỉ đạo, định hướng chiến lược kinh doanh cùng với Ban Điều hành phù hợp với tình hình thực tế của Bảo Long, để kịp thời ứng biến với bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt, phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra trong năm.
- Ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách kinh doanh và chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện kịp thời.
- Thường xuyên đánh giá công tác triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua các phiên họp thường kỳ của HĐQT.
- Duy trì chế độ họp định kỳ để cùng Ban Điều hành đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- Thường xuyên cùng Ban Điều hành rà soát, củng cố lại bộ máy tổ chức đảm bảo gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, tăng cường công tác quản lý ngành dọc, song song với việc nâng cao chất lượng nhân sự trong toàn hệ thống.



- Cùng với Ban Điều hành kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của các công ty thành viên để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các đơn vị.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát một cách tích cực, chủ động, trong việc duy trì tính an toàn, kiểm soát rủi ro và đảm bảo hoạt động của Bảo Long theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.

#### **4. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc:**

Là cơ quan định hướng chiến lược và giám sát hoạt động của công ty, HĐQT luôn tích cực trong công tác chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc trong các hoạt động quản lý, điều hành. Cụ thể:

- Chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, quy định của Tổng Công ty trong công tác quản trị, điều hành và thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Bảo Long.
- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của công ty. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Bảo Long; nhanh chóng có những chỉ đạo kịp thời đến Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động điều hành công ty, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành báo cáo HĐQT về các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo từng tháng/quý hoặc khi cần thiết, để nhanh chóng có các chỉ đạo, quyết sách phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro phát sinh.

Năm 2023 vừa qua, trong bối cảnh thị trường không có nhiều thuận lợi, nhưng Tổng Giám đốc và Ban Điều hành rất chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHCĐ đã thông qua, nghiêm túc thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định chỉ đạo của HĐQT.

Trong hoạt động điều hành Bảo Long, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành luôn thể hiện được tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để duy trì, ổn định hoạt động hệ thống và không ngừng tìm kiếm giải pháp để mở rộng thị trường, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Bảo Long; đồng thời truyền động lực, tinh thần nhiệt huyết cho đội ngũ cán bộ nhân viên để phát huy tính sáng tạo và chủ động trong công việc, không ngừng học hỏi kiến thức, tích lũy kinh nghiệm và tiếp cận thị trường, khách hàng.

## **II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024**

### **1. Quản lý, điều hành:**

- Đảm bảo thực hiện hoạt động quản trị của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm; tăng cường công tác lãnh đạo, giám sát, hỗ trợ Ban Điều hành đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của Quý vị Cổ đông.



- Duy trì chế độ họp HĐQT định kỳ hàng quý và thông qua các nghị quyết, quyết định dưới hình thức phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các Thành viên HĐQT để triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2024, chỉ đạo công tác quản trị công ty trên cơ sở đảm bảo cao nhất quyền lợi của cổ đông.
- Đẩy mạnh chỉ đạo thực hiện các giải pháp kinh doanh đã đề ra trong chiến lược 5 năm Bảo Long đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, cố vấn và hỗ trợ Ban Điều hành khắc phục các trở ngại của thị trường khi cần thiết, phấn đấu hoàn thành tốt chiến lược kinh doanh đã đề ra.
- Tăng cường các công tác dự báo thị trường, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn hệ thống an toàn, hiệu quả.
- Tiếp tục công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ cho phù hợp các quy định mới của pháp luật, đảm bảo tiêu chí đúng quy định, đầy đủ, ngắn gọn, dễ thực hiện và hiệu quả.
- Quan tâm theo dõi và củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự để đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Bảo Long. Không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo hướng chuyên nghiệp hóa để đáp ứng nguồn lực thực hiện định hướng phát triển hệ thống, tiếp tục tổng kết, đánh giá và điều chỉnh mô hình kinh doanh khi cần thiết, sao cho phù hợp với tình hình thực tiễn và đem lại hiệu quả cao.
- Từng bước quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại hoá để hướng đến việc xây dựng được một tập thể cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, sáng tạo, trí tuệ.
- Tăng cường công tác quản lý rủi ro trong hoạt động của hệ thống; phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để duy trì tính an toàn, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi, đảm bảo an toàn trong hoạt động của Bảo Long, tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

## **2. Công tác tổ chức nhân sự, phát triển mạng lưới kinh doanh, phát triển thương hiệu**

- Tiếp tục công tác chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành trong việc rà soát, đánh giá, tái cơ cấu khi cần thiết đơn vị thành viên nào hoạt động chưa hiệu quả trong năm 2023, cùng với việc quan tâm, hỗ trợ đơn vị kịp thời để đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi cho đơn vị hoạt động.
- Xây dựng và điều chỉnh các chính sách nhân sự phù hợp tình hình thực tiễn, vừa củng cố đội ngũ cán bộ nhân viên hiện có, đồng thời thu hút nhân sự có chất lượng cao về làm việc tại công ty. Chủ động, linh hoạt trong hoạt động bố trí, điều động nhân sự vào các vị trí thích hợp, tích cực bồi dưỡng, đào tạo năng lực chuyên môn, nhằm đảm bảo nguồn nhân sự Bảo Long ngày càng ổn định và có chất lượng.
- Tiếp tục tham gia cùng Ban Điều hành trong việc tiếp tục đẩy mạnh khai thác bảo hiểm qua kênh ngân hàng.



- Không ngừng nâng cấp cơ sở hạ tầng phần mềm và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản trị điều hành và kinh doanh theo xu hướng công nghệ hiện đại; tiếp tục thực hiện chiến lược kinh doanh phát triển sản phẩm bảo hiểm qua kênh công nghệ, chuyển đổi bảo hiểm số. Song song với đó, HĐQT cùng Ban Điều hành tích cực xây dựng đội ngũ nhân sự đáp ứng công việc của ngành bảo hiểm kỹ thuật số; điều chỉnh bộ máy tổ chức nếu thấy cần thiết để đáp ứng môi trường kinh doanh mới.
- Đẩy mạnh chiến lược digital marketing, công tác truyền thông hiệu quả để nâng cao giá trị thương hiệu của Bảo Long.
- Chú trọng rà soát điều chỉnh chính sách khách hàng, nâng cao hơn nữa dịch vụ chăm sóc khách hàng để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm.
- HĐQT Bảo Long luôn nỗ lực vì mục tiêu tối đa hóa quyền lợi của các cổ đông cũng như cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc của toàn bộ cán bộ nhân viên nhằm thu hút chất xám và nhân sự chất lượng cao về làm việc tại Bảo Long.

Năm 2024, nền kinh tế tiếp tục được nhận định chưa có nhiều khởi sắc. Đối mặt với thách thức về thị trường cạnh tranh khốc liệt và nền kinh tế không mấy thuận lợi, HĐQT sẽ tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành, để phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2024 đăng ký với Đại hội đồng cổ đông, phát huy những thành quả cả tập thể Bảo Long đã nỗ lực đạt được trong năm qua. HĐQT tin tưởng với sự đồng lòng của toàn hệ thống, một năm kinh doanh mới của Bảo Long sẽ có nhiều kết quả tích cực, tiếp tục duy trì và thúc đẩy Bảo Long phát triển bền vững, từng bước nâng tầm vị thế trên thị trường bảo hiểm.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT, VT.



**PHAN QUỐC DŨNG**





Số: 14/2024/BC-BKS

## BÁO CÁO

**Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023  
và kế hoạch hoạt động năm 2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) các nội dung sau:

### I. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2023

Đến 31/12/2023, BKS Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) gồm 04 thành viên, sử dụng Ban Kiểm toán nội bộ là bộ phận giúp việc. BKS đã thực hiện và hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ năm 2023 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long, bao gồm:

- ❖ Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long trong việc quản trị, điều hành Bảo Long;
- ❖ Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập;
- ❖ Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Bảo Long theo quy định;
- ❖ Tham gia các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị (HĐQT);
- ❖ Phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác thông qua việc tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp với TGD và các đơn vị trong hệ thống. HĐQT, BKS, BĐH đã có cơ chế phối hợp phù hợp trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo BKS triển khai và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, và quy chế tổ chức hoạt động của BKS. Các ý





- kiến, kiến nghị của BKS tại 07 cuộc họp đã được ghi nhận và cơ bản được HĐQT, BĐH tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.
- ❖ Phối hợp đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Bảo Long.
  - ❖ BKS đã tổ chức 07 phiên họp chính thức, chi tiết nội dung các phiên họp:
    - ✓ Bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát Bảo Long nhiệm kỳ 2023-2028;
    - ✓ Phân công phân nhiệm các thành viên BKS trong nhiệm kỳ 2023-2028;
    - ✓ Thông qua các Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ năm 2023;
    - ✓ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023;
    - ✓ Rà soát Báo cáo tài chính cuối mỗi quý và trao đổi về một số rủi ro tiềm tàng có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2023;
    - ✓ Đánh giá hệ thống KSNB của Bảo Long đến thời điểm hiện tại để đưa ra kiến nghị đối với Tổng giám đốc về công tác kiểm tra, giám sát, quản lý rủi ro và tăng năng lực tài chính;
    - ✓ Soạn thảo và trình ĐHĐCĐ thông qua “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát” (sửa đổi bổ sung lần 02) tuân thủ theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.
  - ❖ Trong năm, BKS đã chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra trực tiếp tại 04 đơn vị/ Ban trung tâm và giám sát từ xa 10 đơn vị. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát đã có những kiến nghị với HĐQT, BĐH về các hoạt động điều hành trong các phiên họp HĐQT, trong các báo cáo định kỳ hàng tháng.

## **II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA BẢO LONG**

### **1. Giám sát đối với hoạt động của HĐQT**

- ❖ Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ. HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản nhằm ban hành kịp thời các nghị quyết, quy định, quy chế để định hướng theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong các phiên họp HĐQT, các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và đóng góp được nhiều ý kiến mang tính thực tiễn cao.
- ❖ HĐQT đã ban hành 46 Nghị quyết thuộc nhiều lĩnh vực như nhân sự, kinh doanh, mạng lưới... đáp ứng kịp thời các yêu cầu quản trị điều hành và hoạt động kinh doanh của Bảo Long. Các quyết định của HĐQT đều có sự đồng thuận cao của các thành viên HĐQT, được BĐH triển khai thực hiện kịp thời.



❖ HĐQT đã hoạt động tuân thủ theo Điều lệ của Bảo Long.

## 2. Giám sát đối với hoạt động của TGD

❖ TGD đã triển khai nhiều giải pháp về quản lý nghiệp vụ, quản lý tài chính trong năm 2023 nhằm thực hiện các mục tiêu về kinh doanh và quản lý. Năm 2023 là năm đầu tiên Bảo Long thực hiện Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2023-2027, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, sự điều hành của TGD, Bảo Long đã đạt được mức doanh thu là 1.520.822 triệu đồng. Tuy chưa đạt được mục tiêu doanh số do ĐHĐCĐ giao nhưng chỉ tiêu về lợi nhuận đạt 111% kế hoạch.

❖ TGD đã triển khai mô hình kinh doanh mới với 02 trung tâm kinh doanh, củng cố khai thác mạng lưới bản lẻ truyền thống.

❖ TGD đã hoạt động tuân thủ theo nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ của Bảo Long.

## 3. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2023, tại ĐHĐCĐ thường niên của Bảo Long ngày 30/06/2023, ĐHĐCĐ đã đưa ra 01 Nghị quyết. BKS đánh giá việc thực hiện các Quyết nghị của ĐHĐCĐ như sau:

### ❖ Về kết quả kinh doanh (theo chiến lược kinh doanh năm 2023-2027)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	% HTKH
<b>Năng lực khai thác</b>			
Quy mô doanh thu (triệu đồng)	1.610.000	1.520.822	94%
Thị phần (%)	2,35	2,14	91%
Vốn điều lệ (triệu đồng)	600.000	600.000	100%
<b>Hiệu quả hoạt động</b>			
Tỷ lệ bồi thường tối đa (%)	45	39	(*)
Tỷ lệ chi phí quản lý (%)	8,27	7,44	(*)
ROE tối thiểu (%)	7	14,8	211%
Biên khả năng thanh toán tối thiểu (%)	130	226	(*)

(\*): Đạt so với chiến lược kinh doanh đề ra.



❖ **Phân phối lợi nhuận năm 2022**

✓ **Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc**

Bảo Long đã trích quỹ dự trữ bắt buộc là 4.392 triệu đồng.

✓ **Thù lao HĐQT, BKS**

Bảo Long đã thực hiện việc chi trả thù lao HĐQT và BKS là 3.454 triệu đồng.

✓ **Chi trả cổ tức:**

Bảo Long không thực hiện chi trả cổ tức trong năm 2023.

✓ **Chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động (ESOP):**

Trong năm 2022, Bảo Long đã thực hiện trích lập 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022 sau khi trích quỹ và thù lao HĐQT để tạo nguồn cho chương trình ESOP. Tổng nguồn cho chương trình ESOP là 17.751 triệu đồng.

❖ **Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023**

Bảo Long đã chọn công ty KPMG kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

**4. Tình hình hoạt động kinh doanh**

Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	1.460.000	1.262.967	87%
Doanh thu phí nhận tái	150.000	257.855	172%
LN gộp từ hoạt động kinh doanh	258.866	235.680	91%
LN gộp từ hoạt động tài chính	103.900	119.843	115%
LN khác	-	239	-
Tổng LN kế toán trước thuế	99.680	111.019	111%

Hoạt động của Bảo Long trong năm 2023 đã đạt được một số kết quả như sau:

- ❖ Trong năm 2023 doanh thu phí bảo hiểm năm 2023 của Bảo Long là 1.520.822 triệu đồng, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch doanh thu là 94% và bằng 95% so với cùng



kỳ năm 2022. Nghiệp vụ xe cơ giới và nghiệp vụ con người là 02 nghiệp vụ đóng góp nhiều nhất vào doanh thu phí bảo hiểm gốc năm 2023 với tỷ lệ tương ứng là 38% và 24%.

- ❖ Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 là 122.542 triệu đồng, giảm 19% so với cùng kỳ, chủ yếu do giảm thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh. Chi phí hoạt động tài chính năm 2023 là 2.700 triệu đồng, giảm 81% so với cùng kỳ.
- ❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 là 244.743 triệu đồng, giảm 7% so với cùng kỳ do hoàn nhập 6.625 triệu đồng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.
- ❖ Lợi nhuận năm 2023 là 111.019 triệu đồng đạt 111% kế hoạch lợi nhuận. Các khoản đóng góp vào lợi nhuận bao gồm tỷ lệ bồi thường được kiểm soát tốt (39%), hoàn nhập 87.541 triệu đồng dự phòng phí (cùng kỳ đã trích lập 20.703 triệu đồng), đầu tư tài chính đạt lợi nhuận 119.842 triệu đồng.

## 5. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023

BKS đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của Bảo Long và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

Báo cáo tài chính năm 2023 của Bảo Long được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, được Công ty TNHH KPMG Việt Nam kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Bảo Long tại thời điểm ngày 31/12/2023.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2023 như sau:

- ❖ Tổng tài sản đạt 2.328.999 triệu đồng, giảm 193.622 triệu đồng, tỷ lệ giảm 8% so với năm 2022. Trong đó:
  - ✓ Tài sản ngắn hạn là 1.969.449 triệu đồng, chiếm 84,6%;
  - ✓ Tài sản dài hạn là 359.550 triệu đồng, chiếm 15,4%;
- ❖ Vốn và các quỹ đạt 836.905 triệu đồng, tăng 88.938 triệu đồng, tỷ lệ tăng 11,9% so với cuối năm 2022;
- ❖ Tổng doanh thu bảo hiểm gốc và tái bảo hiểm là 1.520.822 triệu đồng, giảm 87.671 triệu đồng, tỷ lệ giảm 5,5% so với cuối năm 2022;
- ❖ Lợi nhuận trước thuế 111.019 triệu đồng;
- ❖ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Vốn chủ sở hữu: 13,3%;

NGT  
AN  
EM  
ING  
5 CV

QC



- ❖ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản: 4,8%;
- ❖ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông: 14,8%;
- ❖ Bảo Long đã trích lập dự phòng đúng theo quy định của Bộ Tài chính.

Các khoản dự phòng đến 31/12/2023 như sau:

	Đơn vị tính: triệu đồng
○ Dự phòng phí	575.989
○ Dự phòng bồi thường	301.083
○ Dự phòng dao động lớn	104.196
○ Tài sản tái Bảo hiểm	(194.780)
○ Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	3.603
○ Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	804
○ Dự phòng nợ khó đòi	34.482
○ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.503

### III. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA BKS

#### 1. Lương, thù lao năm 2023 của BKS

Trong năm 2023, BKS nhận tiền lương (đối với thành viên chuyên trách) và thù lao (đối với thành viên kiêm nhiệm) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023.

#### 2. Lương, thù lao năm 2024 của BKS

BKS đề xuất lương, thù lao, chi phí hoạt động năm 2024 như sau:

Lương, thù lao của Trưởng BKS và các thành viên BKS: theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt tổng mức thù lao của BKS, và theo Nghị quyết của HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể của từng thành viên BKS.

### IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2024

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Bảo Long, trong năm 2024 định hướng hoạt động của BKS như sau:

- ❖ Thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm của BKS được quy định trong Điều lệ, Quy chế hoạt động BKS của Bảo Long.
- ❖ Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Bảo Long, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024.



- ❖ Giám sát hoạt động của HĐQT, BĐH.
- ❖ Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham dự các phiên họp khác do Bảo Long tổ chức để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh và quản trị.
- ❖ Thực hiện rà soát, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.
- ❖ Thẩm định Báo cáo tài chính theo quy định.
- ❖ Thực hiện các yêu cầu của cổ đông, HĐQT theo quy định của Pháp luật.

Trân trọng báo cáo và trình ĐHĐCĐ.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ
- Lưu VP.HĐQT, BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN  
  
LÊ THỊ THANH BÌNH

T.C.P  
BÌNH



Số: 16/2024/TT-HĐQT

## TỜ TRÌNH

### VỀ VIỆC CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

#### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Đại hội đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Bảo Long quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Bảo Long. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã thống nhất cùng Ban kiểm soát chọn Công ty Kiểm toán KPMG là Công ty thuộc danh sách các công ty đủ điều kiện kiểm toán do Bộ tài chính công bố để thực hiện dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 cho Bảo Long theo đúng quy định hiện hành.

Tại Đại hội này, sau khi thống nhất với Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập theo danh sách dưới đây để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Bảo Long như sau:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG

Nguyên tắc chọn đơn vị kiểm toán độc lập phải là công ty kiểm toán có uy tín trên thị trường, có kinh nghiệm kiểm toán cho công ty bảo hiểm, có chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Kính trình Đại hội nhất trí thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**LÊ THỊ THANH BÌNH**

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**PHAN QUỐC DŨNG**